

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2018. Về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” Thụ lý số: 95/2017/TLST - DS ngày 21 tháng 11 năm 2017.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự, được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên Đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: đường N, Quận B , thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Minh T - Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:*

1- Ông Nguyễn Sơn H - GD Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Thanh Hoá.

2- Ông Nguyễn Đức A – GĐQH khách hàng cao cấp - Ngân hàng TMCP

A- Chi nhánh Thanh Hoá.

Địa chỉ: đường P, P. Đ, thành phố T.

**Bị đơn:**

1- Anh Lê Xuân T – Sinh năm 1968

HKTT: đường L, P. Đ, thành phố T.

2- Chị Lê Thị Thu H – Sinh 1975

Địa chỉ: đường Đ, P. Đ, thành phố T.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Thị Hải H

Địa chỉ: đường L, P. Đ, thành phố T.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Ngân hàng TMCP A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 50.000.000đ.

Tính đến ngày 11/4/2018 anh Lê Xuân T và chị Lê Thị Thu H còn nợ ngân hàng TMCP A theo hợp đồng tín dụng số: THH.CN.02291013 ngày 29/10/2013 là 172.277.112đ ( Trong đó tiền nợ gốc: 122.994.214đ; Tiền lãi trong hạn: 25.772.683đ; Tiền lãi quá hạn: 23.510.215đ).

Anh Lê Xuân T và chị Lê Thị Thu H có trách nhiệm trả cho ngân hàng ACB vào các kỳ như sau:

- Kỳ 1: Ngày 29/ 4/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 2: Ngày 29/ 5/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 3: Ngày 29/ 6/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 4: Ngày 29/ 7/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 5: Ngày 29/ 8/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 6: Ngày 29/ 9/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 7: Ngày 29/ 10/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 8: Ngày 29/ 11/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 9: Ngày 29/ 12/ 2018 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ10: Ngày 29/ 01/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ11: Ngày 28/ 02/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 12: Ngày 29/ 3/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 13: Ngày 29/ 4/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 14: Ngày 29/ 5/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 15: Ngày 29/ 6/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 16: Ngày 29/ 7/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 17: Ngày 29/ 8/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 18: Ngày 29/ 9/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 19: Ngày 29/ 10/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 20: Ngày 29/ 11/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 21: Ngày 29/ 12/ 2019 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 22: Ngày 29/ 01/ 2020 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 23: Ngày 29/ 02/ 2020 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 24: Ngày 29/ 3/ 2020 trả 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) tiền gốc;
- Kỳ 25: Ngày 29/ 4/ 2020 trả 2.994.214đ tiền gốc;
- Kỳ 26: Ngày 29/ 5/ 2020 trả 49.282.898đ tiền lãi + Tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày 12/4/2018 ( ngày sau ngày hòa giải), anh Lê Xuân T và chị Lê Thị Thu H tiếp tục phải chịu lãi trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số:THH.CN.02291013 ngày 29/10/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đến kỳ trả nợ theo thỏa thuận trên, nếu anh T, chị H vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào, thì kể từ ngày 15/9/2018 ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 376 – 1 tờ bản đồ số 12 theo GCSQSD đất số BP 951190 ngày 18/9/2013 của UBND thành phố T cấp cho

anh Lê Xuân T và chị Lê Thị Thu H ( Nay là thửa đất số 25 tờ bản đồ số 96, bản đồ địa chính phường Đ đo vẽ năm 2011 – Thuộc đường L, P. Đ, thành phố T). Theo hợp đồng thế chấp số THH.BĐCN 02281013 ngày 28/10/2013 để đảm bảo thu hồi toàn bộ số nợ trên ( kể cả khoản nợ theo thỏa thuận đã đến kỳ trả nợ và khoản nợ chưa đến kỳ trả nợ).

**Về án phí:** Anh Lê Xuân T và chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí DSST là 4.306.000đ ( Bốn triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000đ ( Năm triệu đồng) cho Ngân hàng A theo biên lai thu số AA/ 2016/ 0004616 ngày 17/ 11/ 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

**4-** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TPTH
- THADS TPTH
- các đương sự;
- lưu hồ sơ .

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Lê Thị Hương**